TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày 28 ngày 5 tháng 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và bà Ngô Thị Thanh Tân

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Toà án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 và 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; (tên gọi tắt Sacombamk) Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thanh Th - Trưởng phòng giao dịch Y. Theo Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022. Có mặt

* Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt, chị Huyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023 và bản tự khai trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn bà Bùi Thanh Th trình bày:

Ngày 11/01/2021, giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi

chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức sử dụng là 25.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 05 năm, ngày 11/01/2021, bà H đã được cấp thẻ tín dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch thẻ tín dụng, tính từ kỳ trả thẻ tháng 05/2022 bà H đã không thanh toán dư nợ thẻ đến hạn theo cam kết, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà H vẫn không trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu của bà H sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/10/2023 bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 40.241.661 đồng gồm nợ gốc là 25.000.000 đồng, lãi quá hạn là 15.241.661 đồng. Nay, Ngân hàng khởi kiện đề nghị buộc bà H phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền trên.

Tính đến ngày **28** tháng 5 năm 2024 bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 25.577.970 đồng (*Hai mươi năm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng*), tiền lãi quá hạn là 21.466.895 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*. Tổng 47.024.865 đồng (*Bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi năm đồng)*. Ngân hàng yêu cầu chị Huyền phải trả số tiền này cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày (BL: 82 và 106): Bà H thống nhất lời trình bày của Ngân hàng về việc giao kết hợp đồng thẻ tín dụng, trình tự thủ tục, số tiền hạn mức của thẻ, mục đích sử dụng và lãi suất như Ngân hàng, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ và số tiền gốc, lãi mà Ngân hàng đã gửi sao kê cho bà tạm tính đến ngày 07/5/2024 là đúng, bà nhất trí trả nợ Ngân hàng, tuy nhiên mong ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả toàn bộ số tiền gốc vào cuối năm 2024 và xin được miễn lãi. Nếu Ngân hàng không nhất trí thì bà đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Th trình bày: Ngân hàng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc tổng là **25.577.970** đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 28/5/2024 (tức ngày xét xử sơ thẩm) của khoản vay bà Trần Thị H còn nợ là **21.446.895** đồng, tổng cả gốc và lãi là **47.024.865** đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ngân hàng xin rút yêu cầu đối với mục 2 của đơn khởi kiện "trường hợp bà H không trả được nợ, Ngân hàng TMCP S sẽ yêu cầu xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng". Ngân hàng đã nộp đầy đủ cho Tòa án tóm tắt sao kê, sổ phụ thanh toán tiền gửi khoản vay của bà H đến thời điểm ngày hôm nay, trong sao kê và sổ phụ tài khoản có chi tiết giao dịch của bà H, theo hợp đồng mà các bên đã ký thì tại mục 1.10 của điều kiện và điều khoản phát hành thẻ quy định "***Dư nợ*** là số tiền mà Chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên

quan đến việc sử dụng Thẻ" như vậy Dư nợ đến ngày 15/8/2022 khi khách hàng Trần Thị H đã sử dụng hết hạn mức cấp thẻ của mình số tiền đã giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ tổng số tiền là 25.577.970 đồng và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do vậy từ ngày 15/9/2022 bà H phải chịu khoản lãi suất nợ quá hạn của số nợ gốc là 25.577.970 đồng. tạm tính đến ngày 28/5/2024 tổng số tiền cả gốc và lãi bà H còn nợ là **47.024.865** đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc, lãi trên và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngân hàng không nhất trí việc bà H xin trả số tiền gốc trong năm 2024 và xin miễn lãi. Việc trong hồ sơ có sao kê khoản vay gốc 30.000.000đồng mang tên Nguyễn Văn Dương là do sơ xuất Ngân hàng đã kẹp nhầm bảng sao kê của người khác vào với bảng sao kê gốc lãi khoản vay của bà Trần Thị H, tôi đề nghị Tòa án cho chúng tôi xin rút lại tài liệu này. Ngân hàng không có ý kiến gì đối với việc nộp tiền tạm ứng án phí mà Tòa án đã yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn thụ lý, lập hồ sơ vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, tuy nhiên vẫn còn một số vi phạm cụ thể, đối với số tiền tạm ứng án phí theo quy định phía Ngân hàng chỉ phải nộp số tiền 1.006.000 đồng, tuy nhiên Tòa án đã Thông báo cho Ngân hàng phải nộp số tiền 1.233.000 đồng; Tòa án đã thụ lý thiếu yêu cầu của đương sự liên quan lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản nợ và trong trường hợp bà H không trả được nợ, Ngân hàng TMCP S sẽ yêu cầu xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Các đương sự đã cơ bản chấp hành đầy đủ những quy định của tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của hộ, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do ở một số phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng từ kế toán để chứng minh việc bị đơn đã giao dịch, sử dụng các khoản tiền phát sinh từ tài khoản thẻ, để xác định chính xác số tiền dư nợ gốc mà nguyên đơn đã cấp cho bị đơn qua tài khoản thẻ, trước khi quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S phát hành thẻ tín dụng Family cho bà Trần Thị H ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 05 năm. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 31/10/2023

gốc là 25.000.000 đồng, lãi quá hạn là 15.241.661 đồng, tổng cộng là 40.241.661 đồng. tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX xác định số tiền gốc là 25.577.970đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 28/5/2024 là 21.446.895 đồng. Tổng số tiền yêu cầu HĐXX buộc bà H phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 47.024.865 đồng. HĐXX thấy theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có sự thay đổi về gốc lãi, tuy nhiên tổng số tiền yêu cầu không có thay đổi việc thay đổi không vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và vẫn nằm trong yêu cầu khởi kiện nên quan hệ pháp luật trong vụ án vẫn là Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng, bị đơn bà H hiện đang cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật, bị đơn không có ý kiến khiếu nại gì. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét giao dịch dân sự giữa Sacombank và bà Trần Thị H được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28 tháng 5 năm 2024 số tiền gốc là 25.577.970 đồng (*Hai mươi năm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng*), tiền lãi quá hạn là 21.466.895 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*. Tổng 47.024.865 đồng (*Bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi năm đồng)* và lãi phát sinh đến khi thanh toán khoản gốc, lãi theo lãi suất thỏa thuận. HĐXX thấy:

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3552 ngày 11/01/2021 được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 20/01/2021 thì giữa chủ thẻ chính là bà Trần Thị H và bên phát hành thẻ là Sacombank có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng Family với hạn mức là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, căn cứ vào bảng tóm tắt sao kê và sao kê chi tiết giao dịch của bà Trần Thị H có số căn cước công dân 033174003552 do Sacombank cung cấp và bà H đã kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 15/02/2021 và đến ngày 15/8/2022 có thanh toán đều cho

Sacombank, trong thời gian sử dụng thẻ bà H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.577.970 đồng, đến ngày 15/8/2022 bà H sử dụng hết hạn mức cấp thẻ và không thanh toán cho Sacombank theo như thỏa thuận đã ký kết nên bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 15/8/2022 bà H còn nợ tổng số tiền là 25.577.970 đồng và từ đó cho đến nay không thanh toán cho Sacombank bất kì khoản nào. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....*", căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: "1. *Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc....*". căn cứ Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: " *số tiền thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự thời gian phát sinh cụ thể các khoản phí và lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch....*" tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định " *chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho Sacombank chuyển tiền từ tài khoản để thanh toán cho bất kỳ hoặc tất cả dự nợ mà không cần có sự xác nhận hay đồng ý trước của chủ thẻ... trường hợp Sacombank đã trích tiền từ tài khoản nhưng vẫn không đủ để thu hồi nợ chủ thẻ vẫn chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Sacombank số dự nợ còn lại*" theo quy định tại khoản 1.10 của bản Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: "*Dư nợ: là số tiền mà chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dich, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ*" căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*". Xét thấy bị đơn bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng và đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Do đó việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 25.577.970 đồng, bị đơn bà H thừa nhận số tiền gốc theo sao kê của Ngân hàng là đúng (BL: 106) nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố dụng dân sự thì đây là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh, do đó yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất nợ quá hạn (tạm tính đến ngày 28/5/2024 là 21.446.895 đồng) và buộc bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Sacombank. Hội đồng xét xử, thấy: Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: "*2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên*

nợ gốc....". Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Căn cứ Điều 20 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: "*thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí/hoặc lãi của kỳ trước...*" Căn cứ Điều 22 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định "*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên thẻ.....*" Căn cứ Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: "*áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại*".... Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Sacombank, bị đơn bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà H sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/8/2022 là phù hợp và bị đơn bà Trần Thị H cũng thừa nhận khoản lãi suất này (BL: 106) nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố dụng dân sự thì đây là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh. Với những căn cứ nêu trên. HĐXX xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc buộc bà H phải trả số tiền lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến ngày 28/5/2024 là 21.446.895 đồng và buộc bà H tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Việc thẩm phán vi phạm trong việc thông báo nộp tiền tạm ứng số tiền vượt quy định tại NQ 326. HĐXX thấy việc này không ảnh hưởng đến việc xét xử và quyền lợi của đương sự. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn không có ý kiến gì.

Đối với việc kiểm sát viên có ý kiến về việc Thẩm phán đã thụ lý thiếu yêu cầu khởi kiện của đương sự là "lãi phát sinh đến khi tất toán và nếu bà H không trả được thì Ngân hàng sẽ yêu cầu xử lý bất cứ tài sản nào thuộc sở hữu của bà H để thu hồi nợ". HĐXX thấy, tại phiên tòa phía Nguyên đơn rút phần yêu cầu đối với việc yêu cầu xử lý tài sản nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với việc Kiểm sát viên xác định Tòa án không thụ lý yêu cầu của Nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bà H phải thanh toán tiền lãi phát sinh đến khi tất toán khoản nợ là không có cơ sở, vì quan hệ tranh chấp trong vụ án này Tòa án thụ lý là *Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng* nên theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: "*2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc....*"; Điều 22 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín

dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định "*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên thẻ.....*".

Đối với việc Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng từ kế toán để chứng minh việc bị đơn đã giao dịch, sử dụng các khoản tiền phát sinh từ tài khoản thẻ, để xác định chính xác số tiền dư nợ gốc mà nguyên đơn đã cấp cho bị đơn qua tài khoản thẻ là không cần thiết, như HĐXX đã nhận định về số tiền nợ gốc ở phần trên.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín**:**

Buộc bà Trần Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28 tháng 5 năm 2024 số tiền gốc là 25.577.970 đồng (*Hai mươi năm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng*), tiền lãi quá hạn là 21.466.895 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*. Tổng số tiền là 47.024.865 đồng (*Bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi năm đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S đã được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với bà Trần Thị H vào ngày 20/01/2021.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 2.351.000 đồng *(Hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 1.233.000 đồng (*Một triệu hai*

trăm ba mươi ba nghìn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001432 ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên